

I. Thông tin chung

- Nội dung: Bài 1 - Bài 11.
- Hình thức: 70% trắc nghiệm nhiều lựa chọn và trắc nghiệm đúng sai + 30% Tự luận

II. Nội dung ôn tập

Trả lời các câu hỏi ngắn

STT	Câu hỏi	Đáp án
BÀI 1. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH MÔN SINH HỌC. SINH HỌC VÀ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG		
1	Đối tượng nghiên cứu của Sinh học là	
2	Ngành khoa học ứng dụng, sử dụng hệ thống sống và sinh vật để phát triển các công nghệ và sản phẩm phục vụ đời sống là	
3	Những hành động của con người không gây tác động xấu đến sự phát triển bền vững?	

BÀI 2: CÁC PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ HỌC TẬP MÔN SINH HỌC		
4	Kể các các thiết bị thường dùng trong phòng thí nghiệm	
5	Các phương pháp nghiên cứu và học tập môn sinh học là	
BÀI 3: CÁC CẤP ĐỘ TỔ CHỨC CỦA THỂ GIỚI SỐNG		
6	Cấp độ tổ chức sống là	
7	Đơn vị tổ chức cơ bản của mọi sinh vật là	
8	Tổ chức sống cấp dưới làm cơ sở để hình thành nên tổ chức sống cấp trên thể hiện nguyên tắc	

BÀI 4: KHÁI QUÁT VỀ TẾ BÀO

9	Tất cả các sinh vật đều được cấu tạo từ	
10	Tất cả các tế bào được sinh ra từ các tế bào trước đó bằng cách	
11	Các tế bào có thành phần hoá học tương tự nhau, có vật chất di truyền là	
12	Hoạt động sống của tế bào là sự phối hợp hoạt động của các.....trong tế bào	
BÀI 5: CÁC NGUYÊN TỐ HÓA HỌC VÀ NƯỚC		
13	Cấu tạo một phân tử nước gồm	
14	Tính phân cực của phân tử nước hình thành do	
15	Các phân tử nước liên kết với nhau như thế nào?	
16	Nguyên tố tạo nên sự đa dạng của vật chất hữu cơ là	
17	Các nguyên tố chiếm phần lớn trong cơ thể sống (khoảng 96%) là	
18	Vai trò của trong tế bào là	- Là thành phần chính cấu tạo nên tế bào. - Là dung môi hoà tan nhiều chất cần thiết cho sự sống. - Là nguyên liệu, môi trường cho các phản ứng sinh hoá xảy ra. - Điều hòa nhiệt độ cơ thể sinh vật.
BÀI 6: CÁC PHÂN TỬ SINH HỌC TRONG TẾ BÀO		
19	Các phân tử sinh học được cấu tạo theo nguyên tắc đa phân?	
20	Carbohydrate được cấu tạo chủ yếu từ các nguyên tố	
21	Cellulose, tinh bột và glycogen đều được cấu tạo từ đơn phân là	
22	Trình bày cấu tạo và chức năng của phospholipid.	- Cấu tạo: - Chức năng: Cấu tạo màng sinh chất vì có , giúp chúng tự sắp xếp thành lớp kép trong môi trường nước.

23	Mỗi protein đặc thù bởi	
24	Tham gia vào quá trình tổng hợp protein là chức năng của	
25	Lưu giữ thông tin di truyền là chức năng của	

Chương 2. Cấu trúc tế bào: Bài 7- 8

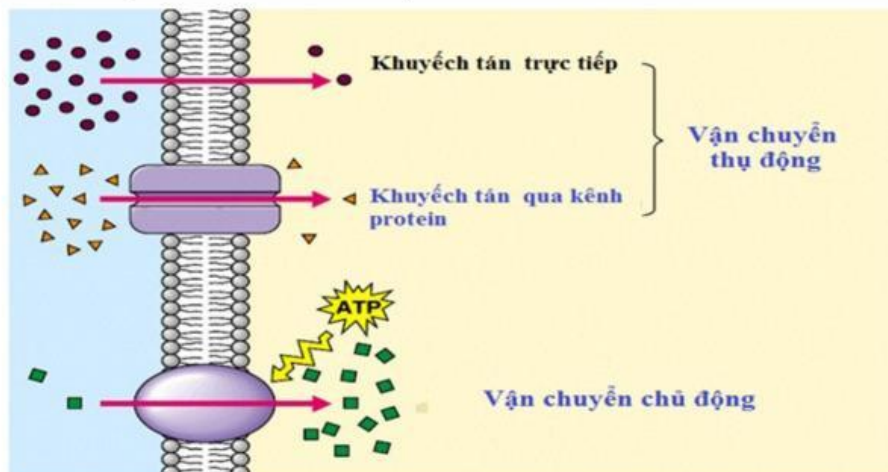
26	Các thành phần chính trong cấu trúc của tế bào nhân sơ là	
27	Do không có các bào quan có màng nên mọi quá trình tổng hợp protein ở tế bào nhân sơ đều diễn ra trực tiếp	
28	Tế bào có đặc điểm	- kích thước nhỏ, khoảng từ 1 μm - 5 μm. - Chưa có nhân hoàn chỉnh. DNA thường ở dạng vòng. - TBC: chưa có hệ thống nội màng và chưa có bào quan có màng bao bọc.
29	So với tế bào nhân thực, đặc điểm chỉ có ở tế bào nhân sơ là	
30	Đặc điểm giống nhau giữa tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực là	
31	Thành tế bào thực vật có chức năng là	
32	Thành tế bào ở vi khuẩn chủ yếu được cấu tạo từ	
33	Lục lạp là bào quan có lớp màng	
34	Ở tế bào thực vật, các bào quan không có màng là	
35	Bào quan chỉ có ở tế bào thực vật mà không có ở tế bào động vật là	
36	Bào quan chỉ có ở tế bào động vật mà không có ở tế bào thực vật là	
37	Nơi diễn ra các phản ứng sinh hóa trong tế bào, giúp đảm bảo duy trì hoạt động sống.	
38	Tế bào chứa nhiều lysosome để thực hiện chức năng thực bào là	

39	Chất nền ngoại bào là cấu trúc tồn tại ở tế bào nào?	
----	--	--

Chương 3. Trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở tế bào: Bài 9 – 10 - 11

40	Môi trường có nồng độ chất tan cao hơn nồng độ chất tan trong tế bào được gọi là	
41	Môi trường có nồng độ chất tan thấp hơn nồng độ chất tan trong tế bào được gọi là	
42	Môi trường có nồng độ chất tan bằng nồng độ chất tan trong tế bào được gọi là	
43	Dung dịch trong nước muối sinh lý (0,65%) là môi trường ... so với tế bào người.	
44	Phương thức vận chuyển các chất từ nơi có nồng độ cao sang nơi có nồng độ thấp mà không tiêu tốn năng lượng được gọi là	
45	Phương thức vận chuyển các chất từ nơi có nồng độ thấp sang nơi có nồng độ cao và tiêu tốn năng lượng được gọi là	
46	Phương thức vận chuyển các chất thông qua sự biến dạng của màng sinh chất là	
47	Ví dụ của quá trình chuyển hoá quang năng thành hoá năng là	
48	Ví dụ của quá trình dị hoá	
49	Trong tế bào, dạng năng lượng dự trữ trong các liên kết hóa học được gọi là	
52	Chất xúc tác sinh học có vai trò làm tăng tốc độ phản ứng trong tế bào là	
53	Enzyme được cấu tạo chủ yếu từ	
54	Vùng không gian đặc biệt của enzyme dùng để liên kết với cơ chất được gọi là	
55	Vật chất nào sau đây được khuếch tán trực tiếp qua lớp kép phospholipid	các phân tử có kích thước nhỏ hoặc tan trong lipid. VD:

57	Sự chuyển hóa năng lượng xảy ra trong quá trình quang hợp là	
58	Sự chuyển hóa vật chất luôn đi kèm với	
59	“đồng tiền” năng lượng của tế bào là	
60	Cấu tạo của APT gồm	
61		
62	ATP được sử dụng cho hoạt động nào của tế bào?	
63	Khi chưa đạt đến nhiệt độ tối ưu của enzyme thì sự gia tăng nhiệt độ sẽ làm	
64	Khi đã đạt đến nhiệt độ tối ưu của enzyme thì sự gia tăng nhiệt độ sẽ làm	
65	Chất chịu tác động của enzyme và bị biến đổi tạo ra sản phẩm là	



Các hình thức vận chuyển qua màng sinh chất

BÀI 8: TẾ BÀO NHÂN THỰC

Hoàn thành bảng sau:

Bào quan	Cấu trúc	Chức năng
	+Bên ngoài: Màng nhân (màng kép). + Bên trong: Dịch nhân chứa chất nhiễm sắc (gồm DNA liên kết với protein) và nhân con.	Chứa vật chất di truyền, trung tâm điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào.
	bào quan không có màng bao bọc. cấu tạo từ rRNA + protein . Gồm hai tiểu phần lớn và bé. thành	Nơi tổng hợp protein cho tế bào.
	- Gồm các túi dẹp song song nhưng tách rời nhau.	- Là nơi chế biến, lắp ráp, đóng gói và phân phối các sản phẩm của tế bào.
	Bào quan có 1 lớp màng, dạng túi, bên trong chứa các enzyme thủy phân.	Tiêu hoá nội bào.
	- Có 2 lớp màng bao bọc, màng ngoài trơn nhẵn, màng trong gấp nếp. - Chất nền chứa hệ enzyme tham gia quá trình hô hấp tế bào, DNA, ribosome,...	Nơi thực hiện hô hấp tế bào → chuyển hóa năng lượng trong các hợp chất hữu cơ thành năng lượng ATP, cung cấp năng lượng cho tế bào.

Trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1.

Một nhóm học sinh tiến hành thí nghiệm ngâm rễ cây non vào hai dung dịch A và B.

- Dung dịch A có nồng độ chất tan thấp hơn dịch bào.
- Dung dịch B có nồng độ chất tan cao hơn dịch bào.

Sau 30 phút, rễ cây ở dung dịch B bị teo lại, còn rễ cây ở dung dịch A căng phồng.

a. Dựa vào kiến thức về **trao đổi chất qua màng sinh chất**, hãy giải thích hiện tượng xảy ra ở rễ cây trong hai dung dịch trên.

b.

Nếu trong dung dịch B có chứa nhiều ion Na^+ xâm nhập vào tế bào rễ, tế bào cần sử dụng cơ chế nào để loại bớt ion Na^+ ra ngoài? Giải thích ngắn gọn.

Câu 2.

Một học sinh nhận thấy rằng khi làm thí nghiệm enzyme ở 37°C thì phản ứng xảy ra mạnh, nhưng khi tăng nhiệt độ lên 45°C thì phản ứng gần như dừng lại. Đồng thời, một người lao động nặng bị mệt lả nhanh chóng sau khi bị sốt cao và tiêu chảy.

a.

Dựa vào kiến thức về **enzyme**, hãy giải thích vì sao khi nhiệt độ tăng quá cao, tốc độ phản ứng sinh hóa trong tế bào lại giảm mạnh.

b.

Người bệnh được cho uống dung dịch chứa glucose và muối khoáng. Hãy giải thích vì sao glucose có vai trò quan trọng trong việc **phục hồi năng lượng cho tế bào**.

HẾT